

CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN SỰ THAM GIA CỦA THANH NIÊN DÂN TỘC THIỂU SỐ TRONG CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC CỘNG ĐỒNG TẠI TỈNH LÂM ĐỒNG

Trần Nhật Nam
HVCH Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - ĐHQG TP. HCM
Đỗ Văn Toàn
Trường Đại học Đà Lạt
Huỳnh Văn Chấn
Trường Đại học Nguyễn Tất Thành

Tóm tắt: Giáo dục cộng đồng (GDCCĐ) giữ vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ thanh niên dân tộc thiểu số (DTTS) phát triển năng lực nghề nghiệp, nhưng thực trạng tại tỉnh Lâm Đồng cho thấy mức độ tham gia còn chênh lệch giữa các nhóm và nhiều nội dung thiết yếu như kỹ năng chuyên môn, quản lý tài chính hay ứng dụng công nghệ vẫn có tỷ lệ tham gia thấp. Điều này phản ánh hạn chế trong khả năng tiếp cận cơ hội học tập và cho thấy tầm quan trọng của việc xác định các yếu tố ảnh hưởng đến sự tham gia của thanh niên. Các yếu tố như năng lực người hướng dẫn, sự phù hợp của nội dung, phương pháp giảng dạy và điều kiện tổ chức được xem là quyết định, bởi chúng tác động trực tiếp đến động lực, khả năng tiếp thu và mức độ vận dụng kiến thức vào thực tiễn nghề nghiệp. Xuất phát từ thực trạng đó, nghiên cứu được thực hiện nhằm phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến sự tham gia GDCCĐ của thanh niên DTTS và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả đào tạo. Bài báo sử dụng phương pháp phân tích tài liệu thứ cấp kết hợp khảo sát định lượng với 245 thanh niên DTTS, trong đó có 190 người từng tham gia GDCCĐ tại tỉnh Lâm Đồng.

Từ khóa: Yếu tố, giáo dục cộng đồng, thanh niên dân tộc thiểu số, phát triển nghề nghiệp, công tác xã hội

FACTORS INFLUENCING THE PARTICIPATION OF ETHNIC MINORITY YOUTH IN COMMUNITY EDUCATION ACTIVITIES IN LAM DONG PROVINCE

Abstract: Community education plays a crucial role in supporting ethnic minority youth in developing their vocational competencies; however, the situation in Lam Dong province shows uneven levels of participation across groups, with many essential areas—such as professional skills, financial management, and the application of technology—still having low engagement rates. This reflects limitations in access to learning opportunities and highlights the importance of identifying the factors influencing youth participation. Key factors such as the competence of instructors, the relevance of program content, teaching methods, and organizational conditions are found to be decisive, as they directly affect learners' motivation, their ability to absorb knowledge, and the extent to which they can apply it to their vocational pathways. Based on this context, the study was conducted to analyze the factors influencing ethnic minority youth's participation in community education and to propose solutions to improve training effectiveness. The research employed secondary document analysis combined with a quantitative survey involving 245 ethnic minority youths, of whom 190 had participated in community education activities in Lam Dong province.

Keywords: Factors, community education, ethnic minority youth, career development, social work.

Nhận bài: 16/10/2025

Phản biện: 15/11/2025

Duyệt đăng: 19/11/2025

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Việt Nam là quốc gia đa dân tộc với 54 tộc người, trong đó đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS) chiếm khoảng 14% dân số (Tổng cục Thống kê và Ủy Ban dân tộc, 2020). Thanh niên DTTS đóng vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế – xã hội tại các địa phương, đặc biệt ở những tỉnh có tỷ lệ DTTS cao như Lâm Đồng. Những năm gần đây, Nhà nước đã triển khai nhiều chính sách nhằm nâng cao năng lực nghề nghiệp cho thanh niên DTTS, tiêu biểu như Đề án phát triển kinh tế – xã hội vùng DTTS và miền núi giai đoạn 2021–2030, Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021–2025 và Thông tư 17/2022/TT-BLĐTBXH về kết nối thị trường lao động. Các chính sách này hướng đến việc mở rộng cơ hội việc làm, nâng cao kỹ

năng nghề và hỗ trợ thanh niên DTTS tham gia vào quá trình phát triển chung của địa phương.

Tuy nhiên, nhiều rào cản vẫn tồn tại, ảnh hưởng đến mức độ tham gia của thanh niên DTTS trong các chương trình đào tạo và phát triển. Các nghiên cứu trong nước cho thấy hoạt động đào tạo nghề đôi khi chưa phù hợp nhu cầu thực tế; mô hình đào tạo ngắn hạn khó tạo việc làm bền vững; trong khi thông tin cơ hội nghề nghiệp chưa được truyền đạt hiệu quả (Nguyễn Lương Định, 2023).

Trong bối cảnh đó, GDCCĐ – một bộ phận của giáo dục phi chính quy – được xem là kênh hỗ trợ quan trọng giúp thanh niên DTTS tiếp cận kiến thức, kỹ năng và nguồn lực phát triển nghề nghiệp. Nhiều nghiên cứu quốc tế nhấn mạnh

hiệu quả của GDCĐ khi được thiết kế linh hoạt, gắn với nhu cầu của cộng đồng và có sự tham gia của người học (Looney & Santibañez, 2021; Wamaungo et al., 2010).

Tại Lâm Đồng, mặc dù GDCĐ có tiềm năng lớn, mức độ tham gia của thanh niên DTTS còn chưa đồng đều. Do đó, việc xác định các yếu tố ảnh hưởng đến sự tham gia của thanh niên DTTS trong các hoạt động GDCĐ là cần thiết, nhằm nâng cao hiệu quả của chương trình và thúc đẩy nâng cao năng lực nghề nghiệp cho thanh niên DTTS tại địa phương.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu được triển khai với sự kết hợp giữa phân tích tài liệu thứ cấp và điều tra định lượng nhằm nhận diện các yếu tố ảnh hưởng đến sự tham gia của thanh niên DTTS trong các hoạt động GDCĐ. Việc sử dụng hai phương pháp này cho phép tiếp cận vấn đề một cách hệ thống, đồng thời đảm bảo độ tin cậy của các kết luận rút ra.

Phân tích tài liệu thứ cấp được thực hiện dựa trên các văn bản chính sách, báo cáo của địa phương, số liệu thống kê và những nghiên cứu trước đây liên quan đến phát triển nghề nghiệp và giáo dục cộng đồng cho thanh niên DTTS. Việc tổng hợp các nguồn tài liệu này giúp hình thành cơ sở lý luận, xác định các biến nghiên cứu và định hướng nội dung cho bảng hỏi khảo sát.

Khảo sát định lượng được tiến hành với thanh

niên DTTS từ 16–30 tuổi tại xã Đinh Trang Hòa. Trong tổng số 635 thanh niên DTTS đang cư trú tại địa phương, cỡ mẫu được xác định bằng công thức Slovin với sai số 5%, lựa chọn được 245 người tham gia khảo sát. Kết quả cho thấy 190 người đã từng tham gia các hoạt động giáo dục cộng đồng, chiếm 77,6% tổng mẫu.

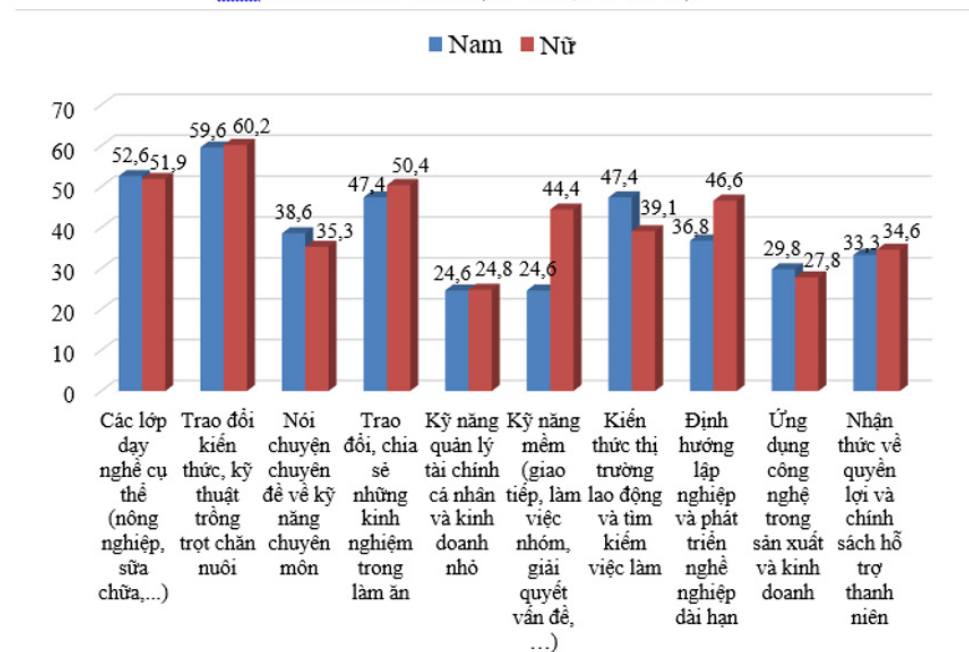
Dữ liệu thu thập được làm sạch, mã hóa và xử lý bằng phần mềm SPSS 22.0 với các phân tích thống kê mô tả, phân tích liên quan nhằm nhận diện xu hướng, mức độ tham gia và các yếu tố tác động. Sự kết hợp giữa phân tích tài liệu và khảo sát định lượng cho phép nghiên cứu phản ánh toàn diện thực trạng tham gia GDCĐ của thanh niên DTTS, đồng thời cung cấp cơ sở thực nghiệm đáng tin cậy để đề xuất giải pháp phù hợp.

2.2. Nội dung và hình thức giáo dục cộng đồng trong việc nâng cao năng lực nghề nghiệp của thanh niên dân tộc thiểu số

GDCĐ giữ vai trò thiết yếu trong nâng cao năng lực nghề nghiệp cho thanh niên DTTS thông qua việc cung cấp tri thức, kỹ năng và thông tin nghề nghiệp phù hợp với bối cảnh văn hóa – xã hội địa phương. Với tính linh hoạt và khả năng huy động nội lực cộng đồng, GDCĐ tạo điều kiện để thanh niên phát triển tiềm năng và chủ động hơn trong định hướng nghề nghiệp.

2.2.1. Các nội dung giáo dục cộng đồng trong việc nâng cao năng lực nghề nghiệp của thanh niên dân tộc thiểu số

Biểu đồ 1. Các nội dung GDCĐ trong việc nâng cao năng lực nghề nghiệp của thanh niên DTTS (N=190; ĐVT: %)



(Nguồn: Số liệu khảo sát đề tài, năm 2025)

Theo kết quả khảo sát ở biểu đồ 1 cho thấy mức độ tham gia của nam và nữ thanh niên DTTS trong các hoạt động GDCĐ nhìn chung khá tương đồng, nhưng vẫn có sự khác biệt rõ rệt theo từng nhóm nội dung. Nam giới tham gia nhiều hơn vào các hoạt động gắn với kỹ thuật sản xuất và định hướng kinh tế, trong khi nữ giới nổi bật ở nhóm kỹ năng mềm và định hướng phát triển cá nhân.

Ở các hoạt động truyền thống như dạy nghề cụ thể (nam 52,6%; nữ 51,9%) và trao đổi kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi (nam 59,6%; nữ 60,2%), tỷ lệ tham gia gần như ngang nhau, phản ánh vai trò lao động tương đồng của hai giới trong kinh tế hộ gia đình. Ngược lại, ở nhóm hoạt động mang tính hiện đại như kỹ năng chuyên môn (nam 38,6%; nữ 35,3%) và ứng dụng công nghệ trong sản xuất, kinh doanh (nam 29,8%; nữ 27,8%), tỷ lệ tham gia đều thấp, cho thấy hạn chế chung về tiếp cận kỹ thuật số và cơ hội đào tạo chuyên sâu tại vùng DTTS.

Sự khác biệt lớn nhất nằm ở nhóm kỹ năng mềm và định hướng nghề nghiệp: nữ đạt 44,4% và 46,6%, cao hơn nam lần lượt 19,8 và 9,8 điểm phần trăm. Điều này cho thấy nữ thanh niên có xu hướng chủ động hơn trong phát triển năng lực xã hội và định hướng tương lai. Trong khi đó, nam

thanh niên lại có tỷ lệ cao hơn trong hoạt động tìm kiếm việc làm (47,4% so với 39,1%), phản ánh vai trò trụ cột kinh tế trong nhiều gia đình DTTS.

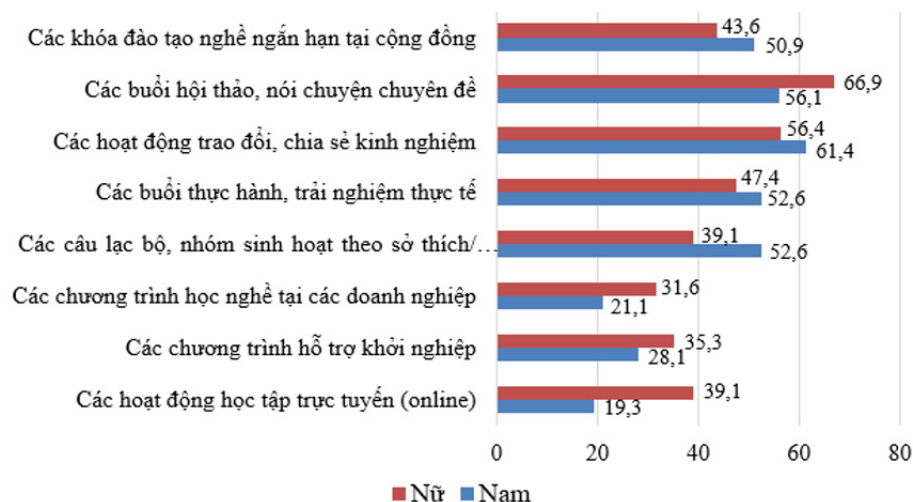
Các nội dung như quản lý tài chính cá nhân (nam 24,6%; nữ 24,8%) và nhận thức về chính sách thanh niên (nam 33,3%; nữ 34,6%) đều ghi nhận tỷ lệ thấp ở cả hai giới, cho thấy khoảng trống về kỹ năng tài chính và hiểu biết chính sách trong cộng đồng.

Tổng thể, nam giới thiên về nhóm hoạt động mang tính kinh tế – sản xuất, còn nữ giới mạnh ở nhóm kỹ năng mềm và phát triển cá nhân. Điều này gợi ý sự cần thiết của các chương trình GDCĐ có cân nhắc yếu tố giới nhằm nâng cao hiệu quả học tập và tăng cường năng lực nghề nghiệp cho thanh niên DTTS.

2.2.2. Các hình thức giáo dục cộng đồng trong việc nâng cao năng lực nghề nghiệp của thanh niên dân tộc thiểu số

Để góp phần nâng cao năng lực nghề nghiệp cho thanh niên DTTS, bên cạnh việc quan tâm đến nội dung GDCĐ, việc lựa chọn hình thức giáo dục phù hợp cũng đóng vai trò quan trọng, quyết định hiệu quả tiếp nhận và phát huy tri thức của người học.

Biểu đồ 2. Các hình thức GDCĐ trong việc nâng cao năng lực nghề nghiệp thanh niên đã tham gia (N=190; ĐVT: %)



(Nguồn: Số liệu khảo sát đề tài, năm 2025)

Biểu đồ 2 cho thấy cả nam và nữ thanh niên DTTS đều tích cực tham gia các hình thức học tập truyền thống và trực tiếp. Các hoạt động như hội thảo, nói chuyện chuyên đề (nam 56,1%; nữ 66,9%) và trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm (nam 61,4%; nữ 56,4%) được lựa chọn nhiều nhất, phản ánh hiệu quả của học tập qua tương tác xã hội.

Sự khác biệt giới thể hiện rõ ở loại hình học tập. Nam thanh niên tham gia nhiều hơn vào các khóa đào tạo nghề ngắn hạn (50,9% so với 43,6%) và học qua thực hành, trải nghiệm thực tế (52,6% so với 47,4%). Điều này cho thấy định hướng thực hành và nhu cầu tham gia lao động sớm – gắn với vai trò trụ cột kinh tế trong hộ gia đình.

Điểm mạnh của nhóm này là khả năng rèn nghề và thích ứng môi trường làm việc, nhưng hạn chế về phát triển kỹ năng mềm và năng lực xã hội.

Ngược lại, nữ thanh niên DTTS tham gia cao hơn ở các hình thức học tập chuyên đề và trực tuyến (39,1% so với 19,3% nam). Đây là mô hình học tập linh hoạt, phù hợp với đặc điểm sinh hoạt của nữ giới, đồng thời hỗ trợ phát triển kỹ năng mềm, tư duy phản biện và năng lực tự học. Tuy nhiên, tỷ lệ tham gia thực hành thấp hơn khiến nữ gặp khó khăn hơn trong tiếp cận thị trường lao động cạnh tranh.

Các hình thức học tập hiện đại như học trực tuyến hoặc đào tạo tại doanh nghiệp vẫn còn thấp ở cả hai giới (nam 19,3%–21,1%; nữ 31,6%–39,1%), phản ánh hạn chế về hạ tầng kỹ thuật số và kết nối với doanh nghiệp tại vùng DTTS. Thực trạng này đòi hỏi vai trò trung gian của nhân viên công tác xã hội trong kết nối nguồn lực, hỗ trợ định hướng và mở rộng cơ hội học tập nghề cho thanh niên DTTS.

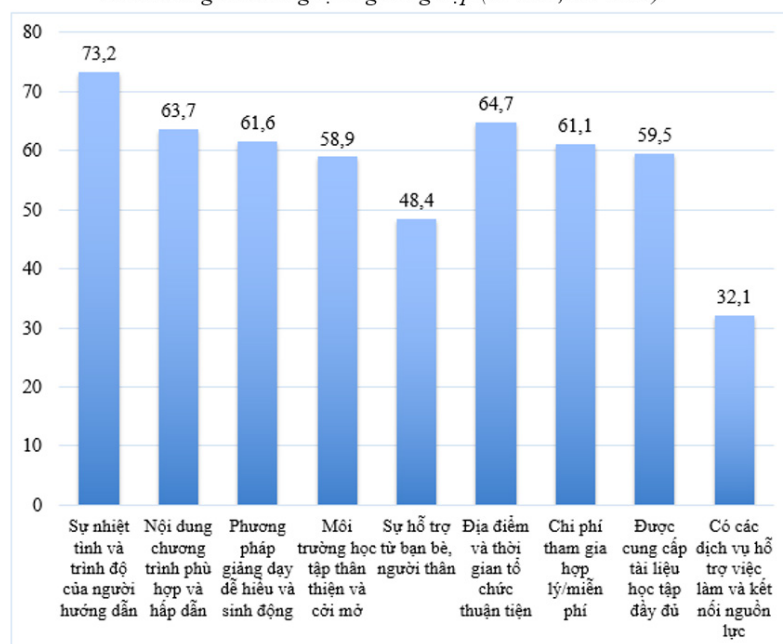
Nhìn chung, nam thanh niên DTTS mạnh về kỹ năng thực hành và kỹ thuật, trong khi nữ có ưu thế ở kỹ năng mềm và khả năng học tập linh hoạt. Sự bổ trợ này cho thấy tiềm năng phát triển nguồn nhân lực DTTS theo hướng đa dạng. Để phát huy hiệu quả, cần phát triển các chương trình GDCĐ gắn kết đào tạo nghề – công nghệ – doanh nghiệp, đồng thời phát huy tri thức bản địa theo tiếp cận phát triển cộng đồng dựa vào nội lực, hướng đến nâng cao năng lực nghề nghiệp và sinh kế bền vững cho thanh niên DTTS.

Kết quả cho thấy thanh niên DTTS tham gia đa dạng nội dung và hình thức GDCĐ, với sự khác biệt rõ theo giới: nam thiên về kỹ thuật sản xuất và hoạt động thực hành, trong khi nữ nổi bật ở kỹ năng mềm và học tập linh hoạt. Tuy nhiên, các nội dung như kỹ năng chuyên môn, tài chính hay ứng dụng công nghệ vẫn có tỷ lệ tham gia thấp ở cả hai giới do hạn chế điều kiện tiếp cận. Điều này nhấn mạnh sự cần thiết của các chương trình GDCĐ phù hợp đặc điểm giới và bối cảnh địa phương, nhằm nâng cao năng lực nghề nghiệp và thúc đẩy sinh kế bền vững cho thanh niên DTTS.

2.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến sự tham gia của thanh niên dân tộc thiểu số trong các hoạt động giáo dục cộng đồng

Kết quả phân tích nội dung và hình thức GDCĐ cho thấy thanh niên DTTS không chỉ quan tâm đến học gì mà còn chú trọng học bằng cách nào. Mức độ phù hợp của nội dung, tính linh hoạt của hình thức và khả năng áp dụng vào thực tiễn đều tác động trực tiếp đến quyết định tham gia của thanh niên. Tuy nhiên, để lý giải đầy đủ vì sao có sự khác biệt trong mức độ tham gia và hiệu quả tiếp nhận, cần xem xét sâu hơn các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình học tập trong GDCĐ. Những yếu tố này không chỉ chi phối lựa chọn nội dung và hình thức học tập mà còn quyết định chất lượng, động lực và khả năng phát huy năng lực nghề nghiệp của thanh niên DTTS.

Biểu đồ 3. Các yếu tố thúc đẩy thanh niên DTTS tham gia vào các hoạt động GDCĐ nhằm nâng cao năng lực nghề nghiệp (N=190; ĐVT: %)



(Nguồn: Số liệu khảo sát đề tài, năm 2025)

Kết quả khảo sát cho thấy sự nhiệt tình và trình độ của người hướng dẫn là yếu tố có ảnh hưởng lớn nhất đến sự tham gia của thanh niên DTTS, với 73,2% đánh giá đây là thành tố quan trọng hàng đầu. Trong khi đó, các dịch vụ hỗ trợ việc làm hoặc kết nối nguồn lực chỉ đạt 32,1%. Sự chênh lệch này phản ánh vai trò trung tâm của yếu tố con người trong các hoạt động GDCĐ: năng lực chuyên môn, phong cách truyền đạt và thái độ hỗ trợ của giảng viên, hướng dẫn viên và cán bộ tổ chức có tác động trực tiếp đến cảm nhận, niềm tin và động lực học tập của thanh niên. Khi người hướng dẫn có khả năng giải thích dễ hiểu, phương pháp linh hoạt và thái độ gần gũi, họ không chỉ giúp người học tiếp thu hiệu quả hơn mà còn tạo môi trường an toàn để thanh niên DTTS mạnh dạn tham gia và phát triển nghề nghiệp.

Nội dung chương trình phù hợp (63,7%) và phương pháp giảng dạy sinh động, dễ hiểu (61,6%) là nhóm yếu tố quan trọng thứ hai. Điều này cho thấy GDCĐ chỉ thực sự thu hút khi kiến thức gắn với công việc thực tế, sinh kế địa phương và nhu cầu của thanh niên. Các phương pháp lấy người học làm trung tâm, thực hành – trải nghiệm có ý nghĩa đặc biệt trong bối cảnh DTTS, nơi tồn tại rào cản về ngôn ngữ, trình độ và khả năng tự tin khi tham gia. Những phương pháp này phù hợp với tiếp cận phương pháp phát triển cộng đồng dựa vào nội lực (ABCD), giúp khai thác tri thức bản địa và khơi dậy năng lực tự học của thanh niên.

Bên cạnh đó, các điều kiện tổ chức thuận lợi (64,7%) và mức chi phí hợp lý hoặc miễn phí (61,1%) là yếu tố hỗ trợ quan trọng, nhất là đối với thanh niên ở vùng sâu, vùng xa. Tuy nhiên, sự hỗ trợ từ bạn bè, người thân (48,4%), tài liệu học tập (59,5%) và đặc biệt là dịch vụ việc làm, kết nối nguồn lực (32,1%) vẫn còn hạn chế. Khoảng trống này khiến quá trình chuyển hóa kiến thức học được thành cơ hội việc làm hoặc sinh kế cụ thể chưa đạt hiệu quả mong muốn.

Nhìn tổng thể, bốn yếu tố cốt lõi quyết định hiệu quả GDCĐ bao gồm: chất lượng đội ngũ giảng viên – hướng dẫn viên, nội dung phù hợp, phương pháp giảng dạy hiệu quả và điều kiện tổ chức thuận lợi. Trong khi đó, các yếu tố hỗ trợ khác mới chỉ đóng vai trò bổ trợ và chưa được phát huy đầy đủ. Điều này gợi ý rằng để nâng cao tác động của GDCĐ đối

với năng lực nghề nghiệp của thanh niên DTTS, cần ưu tiên phát triển đội ngũ giảng viên có năng lực sư phạm và hiểu biết văn hóa địa phương; đổi mới nội dung – phương pháp theo hướng thực hành và ứng dụng; đồng thời tăng cường liên kết giữa GDCĐ với doanh nghiệp, cơ sở đào tạo nghề và mạng lưới việc làm địa phương, nhằm tạo ra con đường phát triển nghề nghiệp bền vững cho thanh niên ngay trong cộng đồng của họ.

III. KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu cho thấy GDCĐ đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao năng lực nghề nghiệp cho thanh niên DTTS tại tỉnh Lâm Đồng. Thanh niên DTTS tham gia vào nhiều nội dung và hình thức GDCĐ khác nhau, trong đó có sự khác biệt rõ theo giới: nam thiên về kỹ thuật sản xuất, đào tạo nghề và hoạt động thực hành; nữ nổi bật ở kỹ năng mềm, học tập linh hoạt và các hình thức học trực tuyến. Tuy nhiên, các nội dung then chốt như kỹ năng chuyên môn, quản lý tài chính hay ứng dụng công nghệ vẫn có tỷ lệ tham gia thấp ở cả hai giới, phản ánh hạn chế chung về cơ hội học tập và hạ tầng tại vùng DTTS.

Bốn yếu tố cốt lõi ảnh hưởng trực tiếp đến quyết định tham gia của thanh niên DTTS bao gồm: chất lượng và năng lực người hướng dẫn (73,2%), sự phù hợp của nội dung chương trình (63,7%), tính hiệu quả của phương pháp giảng dạy (61,6%) và điều kiện tổ chức thuận lợi (64,7%). Nhóm yếu tố này không chỉ quyết định mức độ thu hút ban đầu mà còn chi phối toàn bộ trải nghiệm học tập của thanh niên. Một người hướng dẫn có chuyên môn vững, am hiểu văn hóa địa phương và khả năng truyền đạt phù hợp giúp tạo cảm giác tin tưởng, từ đó tăng động lực tham gia. Tương tự, nội dung gắn với nhu cầu sinh kế, phương pháp giảng dạy lấy người học làm trung tâm và điều kiện tổ chức thuận tiện giúp thanh niên DTTS dễ tiếp thu, vượt qua rào cản ngôn ngữ, trình độ và tâm lý e ngại.

Nhìn chung, kết quả nghiên cứu cho thấy sự chênh lệch giữa nhóm yếu tố “tác động trực tiếp” và nhóm “yếu tố hỗ trợ”, từ đó nhấn mạnh tầm quan trọng của việc nâng cao chất lượng đội ngũ, hoàn thiện nội dung – phương pháp, đồng thời củng cố hệ thống hỗ trợ việc làm để đảm bảo GDCĐ thực sự trở thành cầu nối giúp thanh niên DTTS phát triển nghề nghiệp một cách bền vững.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội. (2022). Thông tư 17/2022/TT-BLĐTBXH quy định về đào tạo nghề nghiệp cho thanh niên dân tộc thiểu số. Hà Nội.
- Looney, J., & Santibañez, B. (2021). Validation of non-formal and informal learning to support disadvantaged learners: Alternative assessments. *European Journal of Education*, 56(3), 439–453.
- Nguyễn Lương Định. (2023). Thực trạng dạy nghề cho nguồn nhân lực đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Quảng Nam. Số 13 – Tháng 5/2023.
- Thủ tướng Chính phủ. (2021). Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế – xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021–2025 (Quyết định số 1719/QĐ-TTg). Hà Nội.
- Tổng cục Thống kê & Ủy ban Dân tộc. (2020). Kết quả điều tra thu thập thông tin về thực trạng kinh tế – xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2019. Nhà xuất bản Thống kê.
- Wamaungo, J. A., Trisnamansyah, S., & Kamil, H. M. (2010). Community participation in the development of nonformal education programmes in community learning centres: A case study in Cimahi City Council, West Java, Indonesia. *International Journal of Education*, 33(3), 46–55.